

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST  
Ngày: 02 - 7 - 2021  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Quang Khải là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-DS ngày 11/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (gọi tắt là N); Địa chỉ: Đường L, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hữu L, Chức vụ: Giám đốc N Chi nhánh thị xã T (theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27 tháng 12 năm 2019). Địa chỉ: Đường Đ, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn Hữu L ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và Kinh doanh – Chi nhánh T, An Giang (theo giấy ủy quyền số 19/NHNo TC-UQ, ngày 02/11/2020). Địa chỉ: Đường Đ, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lương Hoài P, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Văn K, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Tổ 4, Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1964. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Núi Nổi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/10/2020 và trong quá trình xét xử, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn Do trình bày:

Vào ngày 09/7/2018, anh Lương Hoài P có ký hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD với Ngân hàng N. Nội dung hợp đồng là anh P vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay để chăn nuôi bò thịt, thời hạn vay là 12 tháng (hạn trả cuối cùng ngày 09/01/2020) với lãi suất cho vay: 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức cho vay thế chấp tài sản là QSDĐ theo hợp đồng thế chấp số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018.

Ngày 09/7/2018, anh Lương Hoài P ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC Ngân hàng N với nội dung: Anh P thế chấp quyền sử dụng đất là đất nông nghiệp, tọa lạc tại xã A, thị xã T, diện tích 3.644m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CK 334817, sổ vào sổ CS11027, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 28/6/2017 được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Ngô C, tỉnh An Giang ngày 10/7/2018 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T vào ngày 10/7/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD với Ngân hàng N ngày 09/7/2018, anh P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến hết ngày 30/9/2020, tổng dư nợ anh P là 150.710.959 đồng, trong đó nợ gốc: 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.991.781 đồng và lãi quá hạn 4.719.178 đồng.

Đại diện Ngân hàng N có liên hệ đến anh P nhiều lần để giải quyết về số nợ trên nhưng anh P không thực hiện việc thanh toán nợ theo cam kết.

Do anh P đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán nợ nên phía Ngân hàng N có yêu cầu sau:

Anh Lương Hoài P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 31/8/2020 là: 150.710.959 đồng, trong đó: nợ gốc 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 15.991.781 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.719.178 đồng. Yêu cầu anh P tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ký ngày 09/7/2018, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án; quyết định cho đến ngày thực tế anh P trả hết nợ gốc cho N.

Đồng thời, N yêu cầu nếu anh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N thông qua Chi nhánh thị xã T, tỉnh An Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018, để thu hồi nợ theo quy định pháp luật và Ngân hàng N yêu cầu nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì thông qua Ngân hàng N Chi nhánh thị xã T, tỉnh An Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh P để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lương Hoài P vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lương Văn K vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.

Bà Lê Thị N trình bày: Bà N là vợ sau của ông Lương Văn K (không đăng ký kết hôn), là mẹ kế của anh Lương Hoài P (ông K là cha của anh P), ông K đi làm ăn xa, có thường xuyên về thăm nhà; anh P không có thường xuyên về thăm nhà, mỗi lần anh P về thăm nhà một thời gian ngắn thì tiếp tục đi; bà N biết việc anh P dùng tài sản do anh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.644m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N, nội dung vay như thế nào thì bà N không biết. Trên diện tích 3.644m<sup>2</sup> đất hiện bà N canh tác có trồng 20 cây sầu riêng khoảng 05 tháng tuổi (do ông K mua giống cho bà N trồng), 40 cây măng cầu khoảng 01 năm tuổi và trồng mía trên diện tích 2.500m<sup>2</sup> khoảng 02 tháng tuổi do bà N trực tiếp trồng. Các cây trồng trên, bà N không có tranh chấp và cũng không yêu cầu bồi thường khi Ngân hàng N phát mại tài sản trong vụ kiện tranh chấp trên.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng N thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện sau:

- Ngân hàng N yêu cầu anh Lương Hoài P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền vốn và lãi (lãi tạm tính đến hết ngày 31/8/2020) là: 149.108.219 đồng, trong đó: Nợ gốc 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 15.991.781 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.719.178 đồng;

- Yêu cầu anh P tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ký ngày 09/7/2018, kể từ sau ngày 31 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày thực tế anh P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N;

- Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lương Hoài P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ngày 09/7/2018 nêu trên thì Ngân hàng N được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018.

Nay anh Nguyễn Văn Do đại diện ủy quyền Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh P có trách nhiệm trả số tiền vốn vay của hợp đồng trên là 130.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 26.144.444 đồng và tiền lãi quá hạn 9.750.000

đồng (số tiền lãi tính đến ngày 02/7/2021), tổng cộng vốn và lãi là: 165.894.444 đồng cho Ngân hàng N.

Anh P tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ký ngày 09/7/2018, kể từ sau ngày 02 tháng 7 năm 2021 cho đến ngày thực tế anh P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lương Hoài P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ngày 09/7/2018 nêu trên thì Ngân hàng N được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N tạm ứng chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ) là 900.000 đồng, yêu cầu anh Lương Hoài P hoàn trả lại cho Ngân hàng N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu có ý kiến với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo đúng qui định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa như đã quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lương Hoài P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Lương Văn K và Lê Thị N đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà P, K và N.

Về nội dung vụ án: Theo đơn yêu cầu khởi kiện và sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như trình bày trên là có căn cứ, do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lương Hoài P có trách nhiệm trả số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 02/7/2021 là 165.894.444 đồng; tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ký ngày 09/7/2018, kể từ sau ngày 02/7/2021 cho đến ngày thực tế anh P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N và Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lương Hoài P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ngày 09/7/2018 nêu trên thì Ngân hàng N được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018 để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Văn K vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày và yêu cầu của ông; đối với bà Lê Thị N thì không có yêu cầu tranh chấp trong vụ kiện này, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N tranh chấp với anh Lương Hoài P, anh P có địa chỉ tại Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú: Căn cứ vào các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh nơi cư trú đương sự ngày 26/11/2020 tại Công An xã Tân An, thị xã Tân Châu, An Giang xác nhận anh Lương Hoài P, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Tổ 4, Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện không có mặt tại địa phương và địa chỉ trên cũng được ghi trong giao dịch hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với anh Lương Hoài P thể hiện qua: “Hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ngày 09/7/2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018”.

Do đó, anh P có thay đổi nơi cư trú phải trình báo cho chính quyền địa phương và phải có nghĩa vụ thông báo cho Ngân hàng N biết về nơi cư trú mới. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung như: Cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng dân sự theo quy định cho anh Lương Hoài P đã được triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Lương Văn K và Lê Thị N đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các ông, bà Lương Hoài P, Lương Văn K và Lê Thị N.

#### **Về nội dung:**

[1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD ngày 09/7/2018 giữa Ngân hàng N với anh Lương Hoài P có xác lập hợp đồng vay tiền là 130.000.000 đồng, với lãi suất cho vay: 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hợp đồng tín dụng trên giữa hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình vay, phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng N yêu cầu anh Lương Hoài P trả cho Ngân hàng N tổng số tiền vốn và lãi (lãi tạm tính đến ngày 02/7/2021) số tiền là 35.894.444 đồng là có cơ sở chấp nhận được quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm

2010 và án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Từ những phân tích và nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX xem xét, chấp nhận. Do đó, buộc anh Lương Hoài P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền vốn là 130.000.000 đồng, lãi trong hạn là 26.144.444 và lãi quá hạn là 9.750.000 đồng (lãi tính đến ngày 02/7/2021). Tổng cộng vốn và lãi là 165.894.444 đồng. Đồng thời, buộc anh Lương Hoài P phải trả lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD ngày 09/7/2018 kể từ sau ngày 02 tháng 7 năm 2021.

[2] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC ngày 09/7/2018 đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D, yêu cầu Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lương Hoài P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ngày 09/7/2018 nêu trên thì Ngân hàng N được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018 để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị N trình bày: Việc anh P dùng tài sản do anh P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.644m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N, nội dung vay như thế nào thì bà không biết. Trên diện tích 3.644m<sup>2</sup> đất hiện bà canh tác có trồng 20 cây sầu riêng khoảng 05 tháng tuổi (do ông K mua giống cho bà N trồng), 40 cây măng cầu khoảng 01 năm tuổi và trồng mía trên diện tích 2.500m<sup>2</sup> khoảng 02 tháng tuổi do bà N trực tiếp trồng. Các cây trồng trên, bà N không có tranh chấp và cũng không yêu cầu bồi thường khi Ngân hàng N phát mại tài sản trong vụ kiện tranh chấp trên; mặt khác đại diện Ngân hàng N cũng không yêu cầu trong vụ kiện này đối với bà N. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn K, Tòa án có triệu tập hợp lệ để ghi nhận ý kiến trình bày và yêu cầu về việc tranh chấp trên nhưng ông K vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng theo biên bản quyết toán ngày 24/12/2020 Ngân hàng N nộp tạm ứng, Ngân hàng N yêu cầu anh P trả cho Ngân hàng N số tiền chi phí tố tụng trên, do yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc anh Lương Hoài P trả cho Ngân hàng N 900.000 đồng số tiền chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Ngân hàng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Lương Hoài P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.728.000 đồng được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 3 Điều 40; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xét xử vắng mặt các ông, bà Lương Hoài P, Lương Văn K và Lê Thị N.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Lương Hoài P.

Buộc anh Lương Hoài P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền là 165.894.444 (một trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

*“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lương Hoài P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”*

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lương Hoài P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD, ngày 09/7/2018 nêu trên thì Ngân hàng N được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 295/HĐTC, ký ngày 09/7/2018.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lương Hoài P trả cho Ngân hàng N số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng chi phí tố tụng do Ngân hàng N đã tạm ứng chi phí tố tụng.

3/ Về án phí: Anh Lương Hoài P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.295.000 (tám triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.728.000 (ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006413 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND TX. Tân Châu;
- TAND tỉnh An Giang;
- CC.THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dầm**